

TÔ TÁT ĐỊA YẾT LA CÚNG DƯỜNG PHÁP
QUYỀN TRUNG
(Thông cả thứ tự của ba Bộ)

Hán dịch: Đại Đường Trung Ấn Độ Tam Tạng THIÊN VÔ ÚY (Śubha-kara-simha)

Việt dịch: Sa Môn THÍCH QUẢNG TRÍ

Sưu tập Thủ Ấn và phục hồi Phạn Chú: HUYỀN THANH

_Tiếp theo, làm Pháp **Hộ Thân**. Minh Vương Thủ ấn, tụng Chân Ngôn này, ấn năm chỗ thuộc nhóm đánh, liền thành Hộ Thân kiên cố.

Chân Ngôn là:

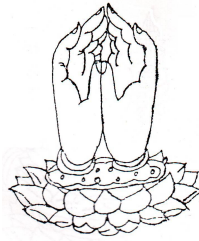
“Úm, phạ nhật-ra kỳ ninh, bát-ra nễ bát đa dã, sa ha”

ॐ वज्रअग्निप्रद्विपद्य स्वहा

OM_VAJRA-AGNI PRADIPTĀYA SVĀHĀ

Tụng năm biến. Đây là Hộ Thân Chân Ngôn.

Tướng của Thủ Ấn ấy. Đem hai ngón út cài chéo nhau nhập vào lòng bàn tay, ngón vô danh đè trên hai ngón út, hai ngón giữa dính đầu ngón, hơi co hai ngón trở đè lóng trên của hai ngón giữa, co lóng giữa của ngón trở vào, dựng thẳng ngón cái phụ dính ngón giữa, (Đây là Hộ Thân Thủ Ấn)



_Tiếp theo, làm **Đại Hộ Thân**. Tụng Chân Ngôn với làm Thủ Ấn, cũng ấn năm chỗ, thành Đại Hộ Thân.

Chân Ngôn là:

“Úm, nhập-phạ la, nang dã, hồng, phẩn tra” (Tụng năm biến. Đây là Đại Hộ Thân Chân Ngôn)

ॐ ज्वाला नय हृम फट

OM_JVALA-NAYA HŪM PHAT

Tướng của Thủ Ấn ấy, tức đồng với Hộ Thân Ấn lúc trước.

_Tiếp theo nên mặc áo giáp (bị giáp). Tụng Chân Ngôn với làm Thủ Ấn, từ đánh chà xát xuống dưới, đến bàn chân, liền thành **Bị Giáp**.

Chân Ngôn là:

“Úm, độ tỷ độ tỷ, ca dã độ tỷ, bát-ra nhập-phạ lý ninh, sa ha” (Tụng bảy biến. Đây là Bị Giáp Chân Ngôn)

ॐ दुपे दुपे कयदुपे प्रज्वालि स्वहा

OM_DHŪPE DHŪPE, KĀYA-DHŪPE PRAJVALIṆI SVĀHĀ

Tướng của Thủ Ấn ấy: bung duỗi (cả hai tay)



_Tiếp theo, dùng Chân Ngôn với Thủ Ấn để kết tóc.

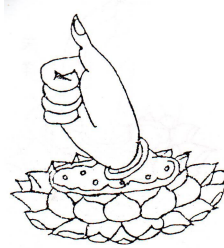
Chân Ngôn là:

“Úm, tô tát đạ, yết li, sa ha” (Đây là Kết Phát Chân Ngôn, dùng chung cho ba Bộ)

ॐ सुसिद्धि करि स्वाहा

OM SUSIDDHI-KARI SVĀHĀ

Tướng của Thủ Ấn ấy. Tay phải nắm Quyền, duỗi thẳng ngón cái, ấn ở trên đỉnh, liền thành kết tóc (Đây là Kết Phát Ấn thông cả ba Bộ)



.)Lại Phật Bộ Kết Phát Chân Ngôn là:

“Nang mãng sa đát-lệ dā đạ-vĩ ca nan, tát ra-phạ đát tha nghiệt đa nan. Úm, tô tát đà , lộ giả ninh, sa ha (Tụng bảy biến. Đây là Phật Bộ Kết Phát Chân Ngôn)

नमः श्रियध्विकानाम सर्वा तथगतानाम ॐ सुसिद्धि स्वहा

NAMAḤ STRIYA-DHVIKĀNĀM SARVA TATHĀGATĀNĀM_ OM SUSIDDHA-LOCANE SVĀHĀ

.)Liên Hoa Bộ Kết Phát Chân Ngôn là:

“Nang mô ra đát-nang đát-ra dạ dā. Nang mãng bát na mãng bá ninh duệ. Úm, ca tai, sa ha” (Tụng bảy biến. Đây là Liên Hoa Bộ Kết Phát Chân Ngôn)

नमो रत्नत्रयाय नमः पद्मपाणिने ॐ कठ स्वहा

NAMO RATNA-TRAYĀYA_ NAMAḤ PADMA-PĀṆIYE _ OM KAṬA SVĀHĀ

.)Kim Cang Bộ Kết Phát Chân Ngôn là:

“Nang mô ra đát-nang đát-ra dạ dā. Nang mãng thất-chiến noa, phạ nhật-ra bá ninh duệ, ma ha được khát-sa, tế nang bát đa duệ

Nang mãng ca la cật-lật đản đa lỗ tỷ ni, thặng ca lệ, phiến đễ ca rị, già tra nễ già tra nễ, bá đa dā, sa ha” (Tụng bảy biến. Đây là Kim Cang Bộ Kết Phát Chân Ngôn)

नमः रत्नत्रयाय नमः शिखरं वज्रचर्मय मन् यक्ष मन्पतये
नमः काले कर्तव्ये कर्मणि कर्मणि कर्मणि कर्मणि कर्मणि कर्मणि कर्मणि
कर्मणि

NAMO RATNA-TRAYĀYA
NAMAḤ ŚCANḌA-VAJRA-PĀNIYE MAHĀ-YAKṢA-SENAPATĀYE
NAMAḤ KALA KṚTĀNTA-RŪPIṆI ŚAMKARE ŚĀNTI-KARI
GHATANI GHATANI PATAYA SVĀHĀ

Tướng của Thủ Ấn ấy đồng với Ấn lúc trước.

Đề toà báu ấy. Tuỳ theo phương sở của Bồn Tôn. Trước tiên nhìn phương ấy, tiếp theo ứng Tâm tưởng ở trong biển lớn có núi báu, trên đỉnh núi ấy tưởng Tòa Sư Tử, ở trên lại có đài hoa sen lớn vi diệu, ở bên trên lại quán các lầu gác báu, treo các phan lụa, bên trên có dù, lọng, phướng với lưới võng để dùng trang nghiêm. Vận Tâm tưởng xong, sau đó tụng Chân Ngôn, gia thêm cho chỗ đã tưởng lúc trước mỗi mỗi thành tựu.

Liên nói Thành Tựu Đại Hải Chân Ngôn là:

“Úm, A, tỳ măng lỗ na địa, hồng” (Tụng bảy biển. Đây là Thành Tựu Đại Hải Chân Ngôn)

ॐ ऋ वमलउदधि हूं
OM ĀḤ VIMALA-UDADHI HŪM

Tiếp theo, nói Thành Tựu Sư Tử Toà Chân Ngôn là:

“Úm, a giả la, hồng, phần tra” (Tụng ba biển)

ॐ अकाल हूं फट
OM ACALA HŪM PHAT

Tiếp theo, nói Thành Tựu Bảo Sơn Chân Ngôn là:

“Úm, a giả la, vi lệ, sa ha” (Tụng ba biển)

ॐ अकाल वीरे स्वहां
OM ACALA VĪRE SVĀHĀ

Tiếp theo, nói Thành Tựu Liên Hoa Chân Ngôn là:

“Úm, ca măng la, sa ha” (Tụng ba biển)

ॐ कमल स्वहां
OM KAMALA SVĀHĀ

Tiếp theo, nói Thành Tựu Bảo Lôu Các Đẳng Chủng Chủng Trang Nghiêm Chân Ngôn là:

“Úm, nang măng tát ra-phạ đất tha nghiệt đa nang. Úm, tát ra-phạ tha, khiếm, ô nại-nghiệt đế, sa-phá ra, hứ tứ măng-ám, già già nang kiếm, sa ha” (Tụng ba biển. Đây là Thành Tựu Bảo Lôu Các Chân Ngôn)

ॐ नमः सर्वे तथगतानाम् ॐ सर्वथा खम उदगते स्फारा हिमाम् गगनाकाम्
फट
OM NAMAḤ SARVA TATHĀGATĀNĀM
OM SARVATHĀ KHAM UDGATE SPHARA HIMAM GAGANAKĀM
SVĀHĀ

_ Tiếp theo, nói **Bộ Tâm Chân Ngôn**.

.) Đầu tiên, **Phật Bộ Tâm Chân Ngôn** là:

“**Úm, nhĩ nang, nhĩ ca**” (Tụng bảy biến)

ॐ ൓൬൬

OM_ JINA-JIK

.) **Liên Hoa Bộ Tâm Chân Ngôn** là:

“**Úm, a rô lục ca**” (Tụng bảy biến)

ॐ 𑖀𑖄𑖂𑖄

OM_ AROLIK

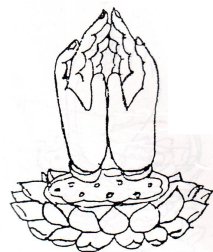
.) **Kim Cang Bộ Tâm Chân Ngôn** là:

“**Úm, phạ nhật-ra, đặc-lặc ca**” (Tụng bảy biến)

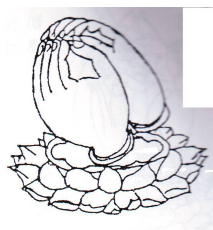
ॐ 𑖀𑖄𑖂𑖄

OM_ VAJRA-DHRK

.)Tiếp theo, nói Tướng Thủ Ấn của **Phật Bộ Mẫu Phật Nhãn**. Chắp hai tay lại, co kèm hai ngón cái vào trong lòng bàn tay, dựng thẳng phụ ngay bên trong lòng giữa của ngón giữa, đừng để lòng tay bị cong, hơi co ngón trở đè lưng lòng trên của hai ngón giữa (Đây là tướng của Phật Nhãn Thủ Ấn)



.)Tiếp theo nói tướng Thủ Ấn của **Liên Hoa Bộ Mẫu**. Chắp hai tay lại, đều co mười ngón tay cùng dính đầu ngón, khiến lòng bàn tay rộng không như hoa sen chưa nở, cổ tay chạm nhau (Đây là Liên Hoa Nẫu Bán Noã La Phạ Kỳ Ninh Thủ Ấn)



.)Tiếp theo, nói tướng Thủ Ấn của **Kim Cang Bộ Mang Mãng Kế**. Chắp hai tay lại, hợp lòng bàn tay, co hai ngón trở với hai ngón vô danh vào trong lòng bàn tay, lưng ngón tay dính nhau, kèm dựng thẳng sáu ngón tay còn lại cùng dính nhau (Đây là Kim Cang Mẫu Mang Mãng Kế Thủ Ấn)



Lại nói, chắp hai tay lại, co hai ngón trở với hai ngón vô danh, lật nghiêng lại cái chéo nhau đè đầu ngón tay, bên phải đè bên trái, kèm dựng sáu ngón tay còn lại cùng dính nhau (cũng tức là Ấn này)

_Tiếp theo nói Tướng Thủ Ấn của **Bộ Tâm**

.)Đầu tiên, tướng Thủ Ấn của **Phật Bộ Tâm**. Tám ngón tay cái chéo nhau vào trong lòng bàn tay, khiến ngón giữa của tám ngón tay lộ ra, dựng thẳng đứng hai ngón cái đứng dính đầu ngón, cách nhau **nửa tấc** (1/6 dm) (Đây là Phật Bộ Tâm Ấn)



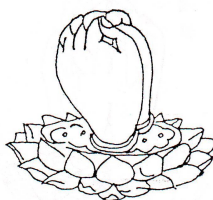
.)Tiếp theo, nói tướng Ấn của **Liên Hoa Bộ Tâm**.

[ND: Phần này bị thiếu, nay phụ vào cho đầy đủ là: Y theo Phật Bộ Tâm Ấn, chỉ sửa ngón cái trái, co vào trong lòng bàn tay, dựng đứng một mình ngón cái phải (Đây là Liên Hoa Bộ Tâm Ấn)



.)Tiếp theo, nói tướng Ấn của **Kim Cang Bộ Tâm]**

Y theo Phật Bộ Tâm Ấn, chỉ sửa ngón cái phải vào trong lòng bàn tay, dựng đứng một mình ngón cái trái (Đây là Kim Cang Tâm Ấn)



Nhìn **Tam Ma Da** (Samaya). Đã đưa tiễn Tôn, Tỳ Na Dạ Ca muốn đi, Bốn Tôn dự định muốn tùy đi... Thế nên nhìn Tam Ma Da khiến giữ lại không cho đi, bấy giờ dùng tay phải nhìn Ấn, tụng Chân Ngôn này, khiến đứng lại, nói cho Bốn Tôn ấy nhớ lại Bốn Nguyên.

Chân Ngôn là:

“**Úm, thăng-thừa yết lệ, tam ma diệm, sa ha**” (Tụng bảy biến. Đây là **Thị Tam Ma Da Chân Ngôn**)

ॐ ऎं ऎं ऎं ऎं ऎं ऎं ऎं

OM ŚAMKARE SAMAYAM SVĀHĀ

Tướng của Thủ Ấn ấy: Tay phải đem ngón cái vịn móng ngón út, duỗi thẳng 3 ngón kia làm hình **Phạ Nhật-La** (Vajra) hướng ra ngoài, thỉnh cầu (Đây là Chỉ Lị Chỉ Lị Kim Cang Ấn, dùng nhìn ngó)



Phụng Tòà mời ngồi. Trước tiên kết Địa Phương với Thượng Phương của nhóm **Nội Giới Kim Cang Quyết**, liền dâng Át Già, sau đó mời ngồi.

Át Già dùng Bốn Chân Ngôn trì tụng mà dâng hiến, hoặc dùng Thông Dụng Át Già Chân Ngôn trì tụng, tùy theo việc thành tựu ấy, Bộ khác nhau, mà cầm vật khí Át Già để ở trái tim... cho đến quỳ gối mà phụng hiến, nghĩa là ba Bộ để nơi trán phụng hiến, Thiên Bộ ấy để ngang trái tim dâng phụng, Địa Bộ để ngang đầu gối.

Chân Ngôn là:

“**Úm, được khát-sam nang na dã, kiến nại-la, đật nố, bát-ri dã bát xả, bát xả, sa ha**” (Đây là Ấn thông dụng tụng Át Già Khí Chân Ngôn)

ॐ ऎं ऎं ऎं ऎं ऎं ऎं ऎं

OM YAKṢAM-NĀDĀYA CAṆḌARA DHĀNU PARIYA-PĀŚA PĀŚA SVĀHĀ

Vào lúc sáng sớm, lúc giữa ngày (giờ Ngọ) với lúc mặt trời lặn... Ở ba Thời này dùng Chân Ngôn Thủ Ấn dâng toà hoa sen

)Đầu tiên, **Phật Bộ Chân Ngôn** là:

“**Úm, vi ra, vi ra dã, sa ha**” (Đây là Phật Bộ Phụng Toà Chân Ngôn)

ॐ ऎं ऎं ऎं ऎं

OM VĪRA VĪRĀYA SVĀHĀ

) Liên Hoa Bộ Chân Ngôn là:

“**Úm, bát na-mãng, vi ra dã, sa ha**” (Đây là Liên Hoa Bộ Phụng Toà Chân Ngôn)

ॐ ऎं ऎं ऎं ऎं

OM PADMA-VĪRĀYA SVĀHĀ

.) **Kim Cang Bộ Chân Ngôn** là:
“**Úm, phạ nhật-ra, vi ra dā, sa ha**” (Đây là Kim Cang Bộ Phụng Toà Chân Ngôn)

ॐ वज्र विराय सह

OM_VAJRA-VĪRĀYA SVĀHĀ

Tướng của Thủ Ấn ấy: Chắp hai tay lại, mở rộng ngón trở, ngón giữa, ngón vô danh, mở rộng trong lòng bàn tay cách nhau khoảng 4 ngón tay. Kèm dựng thẳng hai ngón cái với hai ngón út cùng dựa nhau (Đây là Phụng Liên Hoa Ấn thông cho cả ba Bộ)



_Nếu chuẩn bị sẵn áo, xiêm, chuỗi Anh Lạc... dùng Biện Sự Chân Ngôn trì tụng phụng hiến, kết Giới Pháp. Dùng Pháp **Kim Cang Quyết** dùng kết Địa Giới, dùng Pháp **Kim Cang Lô** kết phương bên trên.

Kim Cang Quyết Chân Ngôn là:

“**Úm, chỉ lị chỉ lị, phạ nhật-ra, Phạ nhật-lị, bộ ra, mãn đà mãn đà, hồng, phẩn tra** (Đây là Kim Cang Quyết Chân Ngôn, tụng ba biến)

ॐ किलि किलि वज्र वज्रि भूरु बंधा बंधा हुं फट

OM_KILI KILI VAJRA VAJRI BHŪR BANDHA BANDHA HŪM PHAT

Tướng của Thủ Ấn ấy: Tay trái đem ngón giữa, ngón vô danh hướng ra ngoài nhập vào kẽ giữa ngón vô danh, ngón giữa của tay phải. Đem ngón vô danh trái quấn ngón vô danh phải, hai ngón út cùng dính đầu ngón, hai ngón cái cùng dính đầu ngón, dựng thẳng đứng hai ngón trở cùng dính đầu ngón. Dùng Ấn này dang hai cánh tay, khiến đầu hai ngón cái chạm đất, tời tụng Chân Ngôn, thành **Kết Địa Giới** (Đây là Kim Cang Quyết Ấn)



_Tiếp theo, dùng **Kim Cang Câu Lan Chân Ngôn** với **Thủ Ấn**, dùng kết **Thượng Phương Giới**

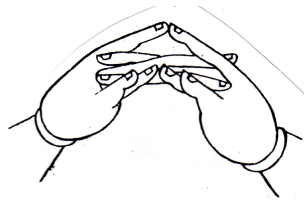
Chân Ngôn là:

“**Úm, vi sa-phổ ra na ra khát-sa, phạ nhật-ra, bán nhạ ra, hồng, phẩn tra** (Tụng ba biến. Đây là Kim Cang Câu Lan Chân Ngôn)

ॐ विस्फुरद राक्ष पामजला हुं फट

OM_VISPHURAD RAKṢA PAṂJALA HŪM PHAT

Tướng của Thủ Ấn ấy: Y theo Quyết Ấn lúc trước, chỉ đổi lại hai ngón cái nắm bên cạnh hai ngón trở. Nâng Ấn hướng lên trên rồi tụng Chân Ngôn, thành **Kết Không Giới** (Đây là Kim Cang Câu Lan Ấn)



_ Dùng **Kim Cang Lô Chân Ngôn Thủ Ấn** làm lò Kim Cang

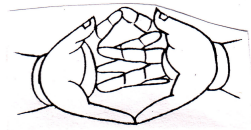
Chân Ngôn là:

“**Úm, tát ra tát ra, phạ nhật ra, bát-ra ca ra, hồng, phẩn tra**” (Đây là Kim Cang Lô Chân Ngôn)

ॐ स्रि स्रि वज्र घ-ॐ ह्रं ह्रं

OM_SARA SARA VAJRA-PRAKARA HŪM PHAT

Tượng của Thủ Ấn ấy: Y theo Quyết Ấn lúc trước, chỉ đổi lại hai ngón cái mở bung ra đứng thẳng. Đưa Ấn từ phương Nam chuyển theo bên phải ba lần và tụng Chân Ngôn, thành tựu lò Kim Cang (Đây là Kim Cang Lô Ấn Pháp, nói rằng: dùng tướng bên trong của ba Giới lúc trước vậy)



_ Tiếp theo, dùng **Kim Cang Quyển Sách Chân Ngôn Thủ Ấn**, kết **Đông Phương Giới**

Chân Ngôn là:

“**Úm, Phạ nhật-ra bá xa, hê-ri, già già nang, ma ra, hồng**” (Tụng ba biến. Đây là Kim Cang Quyển Sách Chân Ngôn)

ॐ वज्र प क्षी गगन मल ह्रं

OM_VAJRA-PĀŚA HRĪḤ GAGANA-AMALA HŪM

Tượng của Thủ Ấn ấy: Tay trái co ngón trỏ dựa vào gốc ngón cái, duỗi thẳng ngón cái để móng ngón trỏ mở thành vòng tròn, ba ngón kia cùng nắm dính nhau dựng thẳng. Tay phải cũng vậy, đem lưng ba ngón tay phải để dính bên trong ba ngón tay trái (Đây là Kim Cang Phạt Sách Ấn, dùng kết Đông Phương Giới)



_ Tiếp theo, dùng **Kim Cang Phan Chân Ngôn** với Thủ Ấn. Pháp kết **Tây Phương Giới**

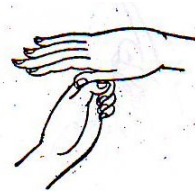
Chân Ngôn là:

“**Úm, bát đặng kỳ ninh, ra tra**” (Tụng ba biến. Đây là Kim Cang Phan Chân Ngôn)

ॐ पंतालि रं

OM_PATAMGINI RAT

Tướng của Thủ Ấn ấy: Tay trái nắm quyền, dựng thẳng ngón cái. Tay phải duỗi nắm ngón để bên trên đầu ngón cái trái, lòng bàn tay hướng vào thân, kết **Tây Phương Giới** (Đây là Kim Cang Phan Ấn Quyền. Tay phải như tay trái, cũng là Ấn này)



_Tiếp theo, **Kim Cang Ca Lị Chân Ngôn Thủ Ấn**, kết **Bắc Phương Giới**

Chân Ngôn là:

“**Úm, phạ nhật-ra, ca lị, ra tra, măng tra** (Tụng ba biến. Đây là Kim Cang Ca Lị Chân Ngôn)

ॐ वज्र कलि राट मट

OM VAJRA-KĀLI RAṬ MAT

Tướng của Thủ Ấn ấy: Hai tay đem hai ngón cái, ngón út đều cùng trụ dính đầu ngón. Sáu ngón còn lại đều tự co hướng vào trong lòng bàn tay, dùng để cho lưng ngón tay dính nhau, cũng không dính trong lòng bàn tay, kết **bắc Phương Giới** (Đây là Kim Cang Ca Lị Ấn)



_Tiếp theo, **Kim Cang Phong Chân Ngôn Thủ Ấn**, kết **Nam Phương Giới**

Chân Ngôn là:

“**Úm, phạ nhật-ra, thi khư ra, ra tra, măng tra**” (Tụng ba biến. Đây là Kim Cang Phong Chân Ngôn)

ॐ वज्र शिखर राट मट

OM VAJRA-ŚIKHARA RAṬ MAT

Tướng của Thủ Ấn ấy: Tay trái nắm lại thành quyền, duỗi thẳng ngón cái. Tay phải đem ngón cái ngón trở phải cùng vịn đầu nhau, đầu ngón cái hơi ló ra. Đem cạnh bên dưới của tay Phải để trên đầu ngón cái trái, khiến ngón cái phải dựng thẳng, kết **nam Phương Giới** (Đây là Kim Cang Phong Ấn)



_Tiếp theo, dùng Chân Ngôn trì tụng vào lòng bàn tay phải bảy lần, đem chỉ, thành kết **hạ Giới**

Chân Ngôn là:

“**Úm, thương-thăng yết lệ, sa ha**” (Tụng bảy biến. Đây là Kết Hạ Giới Chân Ngôn, tụng ba biến cũng được)

ॐ ॐ ॐ ॐ ॐ ॐ ॐ

OM_ŚAMKARE SVĀHĀ

_Tiếp theo, dùng **A Tam Măng Ngâm Nễ Chân Ngôn** với **Thủ Ấn**, làm khắp Hoả Viện.

Chân Ngôn là:

“**Úm, a tam măng kỳ ninh, lê**”(Tụng ba biến. Đây là A Tam Măng Kỳ Ninh Chân Ngôn)

ॐ ॐ ॐ ॐ ॐ ॐ ॐ

OM_ASAMĀMGINI HRĪH

Tướng của Thủ Ấn ấy: đem lưng các ngón tay phải để bên trong ngón của tay trái, khiến không gặp nhau, hướng hai ngón cái thẳng lên trên, xoay Ấn theo bên phải một lần, liền thành Hoả Viện (Đây là A Tam Măng Kỳ Ninh Ấn)



_Tiếp theo, dùng Chân Ngôn với Thủ Ấn kết Đại Giới lần nữa

Chân Ngôn là:

“**Úm, thượng-thăng yết lệ, măng ha tam ma diệm, sa ha**” (Tụng bảy biến. Đây là Kết Đại Giới Chân Ngôn)

ॐ ॐ ॐ ॐ ॐ ॐ ॐ

OM_ŚAMKARE MAHĀ-SAMAYAM SVĀHĀ

Tướng của Thủ Ấn ấy: Hai tay đem ngón út, ngón vô danh cài chéo nhau trong lòng bàn tay, duỗi thẳng hai ngón giữa chạm đầu nhau, co hai ngón trở để ở lưng lóng trên của ngón giữa, không chạm vào ngón giữa như chày ba chia, hai ngón cái để bên cạnh hai ngón trở. Chuyên khắp tám phương, trên, dưới...với tụng trì Chân Ngôn, thành **Kết Đại Giới** (Đây là Kết Đại Giới Ấn)



Như vậy làm xong. Giả sử sát bên cạnh **Luân Vương Phật Đảnh** cùng trái nghịch với các Chân Ngôn khác, cũng chẳng thể gây hại, cũng chẳng tổn giảm oai lực của Bản Tôn. Hết thầy **Phá Minh** cột trời với các Pháp **Khước Trước** đều chẳng được dịp thuận tiện gây hại. Chuẩn bị vật của nhóm Phạ Nhật-La (chày Kim Cang), các Kim

“Úm, na mô bà già phạ đế, tô tát đế, sa đà dã, tát đà lật-thế, sa ha” (Đây là Phật Bộ Thành Tụ Sô Châu Chân Ngôn)

ॐ नम भगवते सुसिद्धि सधया सिद्धार्था

OM_ NAMO BHAGAVATE SUSIDDHI SĀDHAYA _ SIDDHA-ARTHA SVĀHĀ

.) Liên Hoa Bộ Thành Tụ Sô Châu Chân Ngôn là:

“Úm, phạ tô măng đế, thất-lị duệ, bát đặc-mãng man lý nễ, sa ha” (Đây là Liên Hoa Bộ Thành Tụ Sô Châu Chân Ngôn)

ॐ वसु मति श्रिये पद्म मालिने सुह

OM_ VASU-MATI ŚRĪYE PADMA-MĀLINI SVĀHĀ

.) Kim Cang Bộ Thành Tụ Sô Châu Chân Ngôn là:

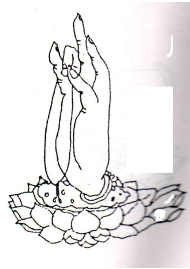
“Úm, phạ nhật-ra , nhĩ đam nhạ duệ, sa ha” (Đây là Kim Cang Bộ Thành Tụ Sô Châu Chân Ngôn)

ॐ वज्र जितम जये सुह

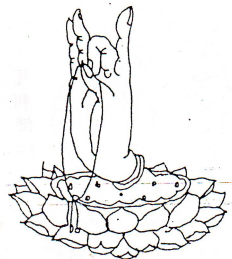
OM_ VAJRA JITAM JAYE SVĀHĀ

Dùng Thành Tụ Sô Châu Chân Ngôn này, thỉnh Bốn Bộ Chân Ngôn ấy ở trên Sô Châu (tràng hạt) cho đến khi cúng dường thời trì tụng một ngàn biến, dùng làm thành tựu.

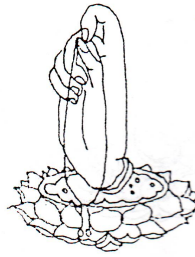
_Tiếp theo nói tướng của Thủ Ấn cầm nắm Sô Châu. Tay phải đem ngón cái vịn đầu ngón vô danh, duỗi thẳng ngón giữa, ngón út. Hơi co ngón trỏ dựa bên cạnh lóng trên của ngón giữa (Đây là Cháp Sô Châu Ấn thông cho cả ba Bộ)



_Tiếp theo, nói Tướng của Liên Hoa Bộ Cháp Sô Châu Ấn: Tay phải đem ngón cái vịn đầu ngón giữa, duỗi thẳng ba ngón còn lại. Tay trái cũng như thế (Đây là Liên Hoa Bộ Cháp Sô Châu Ấn)



Tiếp theo, nói Tướng của Kim Cang Bộ Cháp Sở Châu Ân: Tay phải nắm Quyển, gương thẳng ngón cái vịn ngón trỏ. Tay trái cũng như thế (Đây là Kim Cang Bộ Cháp Sở Châu Ân)



Dùng hạt **Hoạt Nhi** làm sở châu của Phật Bộ
Dùng hạt sen làm sở châu của Liên Hoa Bộ
Dùng hạt Lỗ Nại-Ra Xoa làm sở châu của Kim Cang Bộ

Lại nói lấy hạt Hoạt Nhi, hạt sen, hạt Lỗ Nại-Ra Xoa, Thương Khư (ốc xà cừ) với đá, Mộc Hoạn, chì, sắt, thực đồng, Lưu Ly... tùy ý lấy một loại, số hơn một trăm mà làm sở châu. Dùng tay phải cầm, Tâm không tán loạn, tụng Chân Ngôn xong, một lúc nên luôn qua, đừng khiến cho trước sau lẫn lộn.

Tiếp theo, nói Pháp **vòng đeo cánh tay**. Trong vòng đeo cánh tay ấy khâu một hạt Hoạt Nhi, dùng **Bộ Mẫu Chân Ngôn Thủ Ấn** trì tụng vào hương hoa rồi dùng cúng dường với rưới vảy nước thơm. Trở lại, dùng Bộ Mẫu Chân Ngôn Thủ Ấn này thỉnh đi đến, gia trì trên cái vòng. Lại dùng Bộ Mẫu Chân Ngôn Thủ Ấn theo thứ tự cúng dường, cho đến trì tụng một ngàn biến.

Dùng cỏ **Nại Bà** làm cái nhẫn đeo ở ngón vô danh, dùng Bộ Tâm Chân Ngôn như lúc trước làm Pháp thành tựu, cho đến trì tụng một ngàn biến, đều làm Bản Bộ, thứ tự nên biết.

Pháp **Đây thắt lưng**. Khiến Đồng Nữ xe hợp, dùng **Câu Tôn Bà** (Kusumbha: Đây là hoa Hồng Lam) nhuộm hoặc **Uất Kim** nhuộm. Như Pháp thành tựu lúc trước, cho đến trì tụng một ngàn biến. Vào lúc niệm tụng, lúc Hộ Ma cùng với lúc ngũ thời cột buộc ở eo lưng, hay chặn đứng sự thoát Tinh.

Thành Tựu Yêu Tuyến Chân Ngôn là:

“Úm, a ra a ra, măn đà nễ, súc cật- ra đà ra ni, tất đà lật-thế, sa ha”

उं ह्रीं ह्रीं बंधनी सुकराणि (सहस्रं ह्रीं)

OM HĀRA HĀRA BANDHANI SŪKRA-DHĀRAṆĪ SIDDHA-ARTHA SVĀHĀ

TÔ TẮT ĐỊA YẾT LA CÚNG DƯỜNG PHÁP
QUYỂN TRUNG (Hết)